

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 428/2024/DS-ST

Ngày: 08-7-2024.

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng.

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 747/2023/TLST-DS ngày 18/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị N, sinh năm: 1975. (có mặt).

Địa chỉ: 3B22/3 ấp 3, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mão, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 3C27/9, ấp 10, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Vào ngày 05/6/2022 và ngày 23/6/2022, bà Phạm Thị N có cho bà Nguyễn Thị M vay số tiền 60.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền. Ngày 23/7/2022 bà M vay thêm số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 05/10/2022 bà M vay thêm số tiền 40.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn thỏa thuận vay là 06 tháng. Đến nay đã hết hạn trả nợ, bà N đã nhiều lần yêu cầu bà M trả số tiền vay nhưng bà M trốn tránh, không hợp tác. Nay bà yêu cầu bà M trả số tiền vay tổng cộng là 180.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Số tiền bà N cho bà M vay là tài sản của riêng cá nhân bà và bà chỉ yêu cầu cá nhân bà M trả tiền đối với khoản vay trên. Phần viết thêm vào hợp đồng vay tiền là chữ của bà N. Do có niềm tin với nhau nên không yêu cầu bà M ký xác nhận đã nhận tiền. Không đồng ý với cách trả của bị đơn mỗi tháng 01 triệu đồng.

Tại phiên tòa; bà Phạm Thị N chỉ yêu cầu bà M trả số tiền 60.000.000 đồng; tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện; cụ thể rút yêu cầu buộc bà M trả số tiền 120.000.000 đồng (số tiền ghi thêm trong các hợp đồng vay);

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày :

Bà Nguyễn Thị M xác nhận bà có vay tiền của bà N 02 lần, có làm hợp đồng vay tiền vào các ngày 05/6/2022 và ngày 23/6/2022; mỗi hợp đồng vay là 30.000.000 đồng; tổng số tiền vay của bà N là 60.000.000 đồng.

Số tiền bà M vay của bà N dùng vào việc tiêu xài cá nhân và bà cam kết một mình chịu trách nhiệm đối với khoản vay này, không liên quan đến ai.

Trong 02 hợp đồng vay tiền này bà N có ghi thêm số tiền vay là 80.000.000 đồng và 40.000.000 đồng (tổng cộng nhận thêm là 120.000.000 đồng) ; bà M không thừa nhận số tiền nhận thêm này; vì phần ghi thêm này không có chữ ký của bà và thực tế bà M không có nhận thêm từ bà N số tiền 120.000.000 đồng này.

Đối với khoản vay còn thiếu bà N số tiền là 60.000.000 đồng thì bà cam kết sẽ trả trong thời gian sớm nhất. Xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 60.000.000 đồng; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu số tiền 120.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Bà Phạm Thị N cam kết khoản tiền cho bà M vay là tài sản riêng của bà; bà N chỉ yêu cầu một mình bà M chịu trách nhiệm đối với khoản vay; Bà Nguyễn Thị M xác nhận số tiền vay của bà N dùng vào việc cá nhân, không liên quan đến ai và bà cam kết một mình chịu trách nhiệm đối với số tiền vay của bà N.

Do đó, Hội đồng xét xử không cần thiết đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa; bà Phạm Thị N yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền đã vay là 60.000.000 đồng.

[2.1]. Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 05/6/2022 giữa bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị Mão; số tiền vay là 30.000.000 đồng.

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2022 giữa bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị Mão; số tiền vay là 30.000.000 đồng.

Các bên đều ký tên và bên vay ghi rõ “Tôi đã nhận đủ tiền”.

[2.2] Căn cứ vào sự thừa nhận, xác nhận của bà Nguyễn Thị M thì có cơ sở xác định bà Phạm Thị N có cho bà Nguyễn Thị M vay tổng số tiền là 60.000.000 đồng theo 02 hợp đồng vay tiền.

[2.3]. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*”

Đồng thời tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa trả nợ của bên vay: *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã vay 60.000.000 đồng là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận; buộc bà Nguyễn Thị M trả cho bà Phạm Thị N số tiền 60.000.000 đồng là có cơ sở.

Các đương sự cho vay mượn tiền nhưng không thỏa thuận về lãi suất, không có yêu cầu về lãi suất; do đó, Hội đồng xét xử cũng không đặt ra để giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa; bà Phạm Thị N tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện; rút yêu cầu buộc bà M trả số tiền 120.000.000 đồng (số tiền ghi thêm trong các hợp đồng vay); Xét đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật; không trái đạo đức và không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Mtrả cho bà Phạm Thị N số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

(Hợp đồng vay tiền lập ngày 05/6/2022 và hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2022 giữa bà Phạm Thị N và bà Nguyễn Thị Mkhông còn giá trị pháp lý).

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền 120.000.000 đồng của nguyên đơn
2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mchịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0020907 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Chiến